

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE

Ngày báo cáo: 05/09/2025 / Reporting date: 05 Sep 2025

1 Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
Fund Management Company: Bao Viet Fund Management Limited Company
2 Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Supervising bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
3 Tên Quỹ: QUỸ ETF BVFVN DIAMOND
Fund name: BVFVN DIAMOND ETF
4 Mã chứng khoán / Securities symbol: FUEBFVND
5 Kỳ báo cáo: Từ ngày 29/08/2025 đến ngày 04/09/2025
Reporting Date: From date 29 Aug 2025 to date 04 Sep 2025

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 04/09/2025	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 28/08/2025
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	63.751.579.938	63.863.459.760
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	1.677.673.156	1.680.617.362
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	16.776,73	16.806,17
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	64.535.973.912	63.751.579.938
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	1.698.315.102	1.677.673.156
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	16.983,15	16.776,73
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó Change of net asset value during the period, in which	2103		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities during the period	2103.1	784.393.974	(111.879.822)
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ Change due to subscription, redemption during the period	2103.2		
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change due to profit distribution to investors during the period	2103.3		
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of net asset value per certificate in comparison to previous period	2104	206,42	(29,44)
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks	2105		
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	64.535.973.912	63.863.459.760
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	41.396.547.355	41.396.547.355
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết) Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)	2106		
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate	2107		
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	12.510	12.510
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	12.510	12.510
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price during the period in comparison to previous period	2110		
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Variance between market price and net asset value of one fund certificate	2111		
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	(4.473,15)	(4.266,73)
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) hoặc dư (+)) Relative variance (discount (-) surplus (+))	2111.2	(26,34)%	(25,43)%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks	2112		
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	12.510	12.510
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	12.510	12.510

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát
Authorised Representative of Supervisory Bank
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
PHÓ TRƯỞNG TRUNG TÂM
Nguyễn Thị Thu Giang

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
HỒ GIAM ĐỌC HOẠT ĐỘNG
Nguyễn Phương Anh